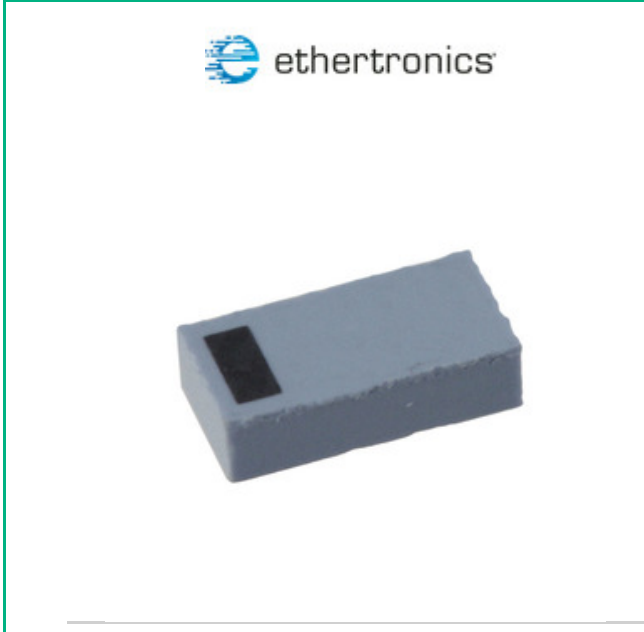




Hình ảnh có thể là đại diện.  
Xem thông số kỹ thuật để biết chi tiết sản phẩm.

### M420110

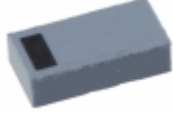
|                      |                                                                                               |                             |                       |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Số Phần:             | M420110                                                                                       | Nhà sản xuất / Thương hiệu: | Ethertronics          |
| Mô tả Sản phẩm:      | RF ANT 1.575GHZ CHIP SOLDER SMD                                                               | Chuyển từ:                  | Hong Kong             |
| Tình trạng của RoHS: | Không có chì / tuân thủ RoHS                                                                  | Cách vận chuyển:            | DHL/Fedex/TNT/UPS/EMS |
| Bảng dữ liệu:        |  M420110.pdf |                             |                       |

 **GỬI YÊU CẦU** >

#### Thông tin chi tiết sản phẩm

|                                       |                                                                                       |                                                  |                              |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| Số Phần                               | M420110                                                                               | nhà chế tạo                                      | Ethertronics                 |
| Sự miêu tả                            | RF ANT 1.575GHZ CHIP SOLDER SMD                                                       | Tình trạng Miễn phí Tình trạng / Tình trạng RoHS | Không có chì / tuân thủ RoHS |
| Bảng dữ liệu                          | M420110.pdf                                                                           |                                                  |                              |
| VSWR                                  | 1.9                                                                                   | Chấm dứt                                         | Solder                       |
| Loạt                                  | Savvi™                                                                                | Return Loss                                      | -                            |
| Power - Max                           | 500mW                                                                                 | Bao bì                                           | Tape & Reel (TR)             |
| Vài cái tên khác                      | 939-1006-2                                                                            | Số Bands                                         | 1                            |
| gắn Loại                              | Surface Mount                                                                         | Độ nhạy độ ẩm (MSL)                              | 1 (Unlimited)                |
| Tình trạng miễn phí / Tình trạng RoHS | Lead free / RoHS Compliant                                                            | Bảo vệ sự xâm nhập                               | -                            |
| Chiều cao (Max)                       | 0.043" (1.08mm)                                                                       | Lợi                                              | 1.1dBi                       |
| Dải tần số                            | 1.575GHz ~ 1.606GHz                                                                   | Nhóm Tần suất                                    | UHF (1 GHz ~ 2 GHz)          |
| Tần số (Trung tâm / Băng tần)         | 1.575GHz                                                                              | Tính năng                                        | -                            |
| miêu tả cụ thể                        | 1.575GHz GLONASS, GPS Chip RF Antenna 1.575GHz ~ 1.606GHz 1.1dBi Solder Surface Mount | Các ứng dụng                                     | GLONASS, GPS                 |
| Antenna Loại                          | Chip                                                                                  |                                                  |                              |

#### những sản phẩm liên quan

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  <div><b>M4201 BK002</b><br/>Nhà sản xuất của: Alpha Wire<br/>Sự miêu tả: CABLE COAXIAL RG8A 13AWG 500'<br/>Tải về:  M4201 BK002.pdf</div> <div>RFQ</div>    |  <div><b>M4203 BK001</b><br/>Nhà sản xuất của: Alpha Wire<br/>Sự miêu tả: CABLE TWINAXIAL RG11A 1000'<br/>Tải về:  M4203 BK001.pdf</div> <div>RFQ</div>                 |
|  <div><b>M420310-01</b><br/>Nhà sản xuất của: Ethertronics<br/>Sự miêu tả: BLUETOOTH DEMO BOARD 4X2X1.08MM<br/>Tải về:  M420310-01.pdf</div> <div>RFQ</div>  |  <div><b>M42</b><br/>Nhà sản xuất của: APEM Inc.<br/>Sự miêu tả: SWITCH SLIDE 4PDT 300MA 125V<br/>Tải về:  M42.pdf</div> <div>RFQ</div>                                 |
|  <div><b>M420110-01</b><br/>Nhà sản xuất của: Ethertronics<br/>Sự miêu tả: GPS DEMO BOARD 4X2X1.08MM<br/>Tải về:  M420110-01.pdf</div> <div>RFQ</div>        |  <div><b>M4201 BK005</b><br/>Nhà sản xuất của: Alpha Wire<br/>Sự miêu tả: CABLE COAXIAL RG8A 13AWG 100'<br/>Tải về:  M4201 BK005.pdf</div> <div>RFQ</div>                |
|  <div><b>M4203 BK002</b><br/>Nhà sản xuất của: Alpha Wire<br/>Sự miêu tả: CABLE TWINAXIAL RG11A 18AWG 500'<br/>Tải về:  M4203 BK002.pdf</div> <div>RFQ</div> |  <div><b>M42012-760</b><br/>Nhà sản xuất của: ICCNexergy (Inventus Power)<br/>Sự miêu tả: AC/DC DESKTOP ADAPTER 12V 20W<br/>Tải về:  M42012-760.pdf</div> <div>RFQ</div> |
|  <div><b>M42/1</b><br/>Nhà sản xuất của: 3M<br/>Sự miêu tả: 3M PELTOR MICROPHONE WIN</div> <div>RFQ</div>                                                                                                                                       |  <div><b>M4201 BK001</b><br/>Nhà sản xuất của: Alpha Wire<br/>Sự miêu tả: CABLE COAXIAL RG8A 13AWG 1000'<br/>Tải về:  M4201 BK001.pdf</div> <div>RFQ</div>               |
|  <div><b>M4203 BK005</b><br/>Nhà sản xuất của: Alpha Wire<br/>Sự miêu tả: CABLE TWINAXIAL RG11A 18AWG 100'<br/>Tải về:  M4203 BK005.pdf</div> <div>RFQ</div> |  <div><b>M420310</b><br/>Nhà sản xuất của: Ethertronics<br/>Sự miêu tả: RF ANT 2.4GHZ CHIP SOLDER SMD<br/>Tải về:  M420310.pdf</div> <div>RFQ</div>                     |

#### Thẻ liên quan

|                          |                            |                            |
|--------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Ethertronics M420110     | Nhà phân phối M420110      | Nhà cung cấp M420110       |
| Giá M420110              | Ảnh về M420110             | Hình ảnh M420110           |
| Biểu dữ liệu PDF M420110 | M420110 Download Datasheet | Bảng dữ liệu M420110       |
| M420110 Cổ phiếu         | Mua M420110                | Mua Ethertronics M420110   |
| Ethertronics M420110     | Nhà cung cấp Ethertronics  | Nhà phân phối Ethertronics |
| Ethertronics M420110     | Ethertronics Inc. M420110  |                            |